

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08-7-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thu Hà
2. Ông Phan Hữu Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đặng Văn B, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ X, ấp T 1, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị Kim T (B), sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ Y, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn anh Đặng Văn B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị T kết hôn năm 2011, hôn nhân do anh chị tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khi giải quyết các vấn đề phát sinh trong gia đình nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ tháng 06/2019, vợ chồng anh chị đã ly thân đến nay. Hiện nay, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ

chồng anh chị không giải quyết được, anh chị nhận thấy không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với nhau, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: có 02 con chung tên Đặng Văn Đ1, sinh ngày 25/02/2012 và Đặng Văn Đ2, sinh ngày 25/6/2014. Sau khi ly hôn, anh đồng ý để cháu Đ1 tiếp tục sống với chị Thuong theo nguyện vọng của con, anh yêu cầu được nuôi cháu Đ2, anh không cấp dưỡng nuôi cháu Đ1 và cũng không yêu cầu chị Thuong cấp dưỡng nuôi cháu Đ2.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh B về thời gian và điều kiện kết hôn, anh chị kết hôn năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn nhỏ, chủ yếu do chị và chị chồng có mâu thuẫn với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng anh chị rạn nứt. Chị vẫn còn thương chồng, nhưng anh B cương quyết ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung tên Đặng Văn Đ1, sinh ngày 25/02/2012 và Đặng Văn Đ2, sinh ngày 25/6/2014. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh ngày 12/5/2020, ông Trần Thành B2 - Phó Ban ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang xác nhận: Bà Nguyễn Thị Kim T hiện nay đang sống ở nhà cha mẹ ruột, bà T hiện nay không đi làm mà ở nhà nuôi hai con.

* Tại tờ trình bày ý kiến ngày 13/01/2020, cháu Đặng Văn Đ1 có ý kiến: Hiện nay con đang học lớp 2B trường tiểu học A V T, từ trước đến nay con và em sống với mẹ, con không muốn về ở với ba.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, yêu cầu được nuôi cháu Đ2, giao cháu Đ1 cho chị Thuong nuôi dưỡng như nguyện vọng của con. Anh B hiện đang canh tác đất của gia đình hơn 20.000 m² do cha anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy tiền bán lúa do cha mẹ anh giữ nhưng khi anh cần mẹ anh vẫn cho anh tiền tiêu xài, ngoài ra anh có thuê khoảng 5.000 m² đất nông nghiệp, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/vụ lúa, nên anh có điều kiện kinh tế để lo cho con; Trước đây khi vợ chồng còn sống chung thì các con gần gũi với anh hơn chị T; ngoài ra anh nghi ngờ chị vợ (sống chung với cha mẹ vợ) có hành vi đánh con anh do anh nghe cháu Đ2 nói rất sợ đi hai đánh.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày: Chị T đồng ý ly hôn, yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Cháu Đ1 không đồng ý sống với anh B, còn cháu Đ2 còn nhỏ, cháu Đ2 từ nhỏ đến nay không ăn cơm, chỉ uống sữa, phải có người kề cận bên con trong khi anh B đi làm cả ngày, không có thời gian chăm sóc con, do đó chị yêu cầu được quyền nuôi cả hai con. Chị tuy không đi làm nhưng chị ở nhà giữ con cho các chị ruột, hàng tháng các chị gửi tiền

công khoảng 6.000.000đ/tháng. Ngoài ra anh B cho rằng chị hai của chị đánh con là không có, các cháu quậy phá, không nghe lời thì chị hai có cảm roi khi dạy các cháu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh B và chị T. Về con chung, giao hai cháu Đ1 và Đ2 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa anh Đặng Văn B và chị Nguyễn Thị Kim T là tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Kim T hiện đang có đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Anh Đặng Văn B và chị Nguyễn Thị Kim T có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2011, quyển số 01/2011 ngày 22/02/2011. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện để anh B và chị T được đoàn tụ, nhưng anh chị đều thống nhất ly hôn, anh chị đã ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, trong thời gian ly thân anh chị không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm gia đình. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Văn B và chị Nguyễn Thị Kim T.

2.2 Về con chung: Anh B và chị T thống nhất trình bày anh chị có hai con chung tên Đặng Văn Đ1, sinh ngày 25/02/2012 và Đặng Văn Đ2, sinh ngày 25/6/2014. Từ khi anh B và chị T ly thân đến nay, hai cháu Đ1 và Đ2 đều sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T có yêu cầu được nuôi hai con, anh B có yêu cầu được nuôi cháu Đ2 và đồng ý giao cháu Đ1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Đ1 có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ; cháu Đ2 còn nhỏ, khó khăn trong việc ăn uống; từ khi anh chị ly thân, các cháu đều do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, tình cảm anh em giữa hai cháu Đ1 và Đ2 rất khắn khít, nếu để cho anh B và chị T mỗi người nuôi một cháu sẽ làm thay đổi môi trường sống của các cháu, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quyết định giao cháu Đ1 và cháu Đ2 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con và gia đình phải tạo điều kiện cho người không trực tiếp nuôi con trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc nuôi con có thể bị thay đổi theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh B là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn B.

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Văn B và chị Nguyễn Thị Kim T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2011, quyển số 01/2011 ngày 22/02/2011 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung tên Đặng Văn Đ1, sinh ngày 25/02/2012 và Đặng Văn Đ2, sinh ngày 25/6/2014. Anh Đặng Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

2. *Về án phí sơ thẩm:* Anh Đặng Văn B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006629 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Quyền kháng cáo:* Anh Đặng Văn B và chị Nguyễn Thị Kim T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/7/2020).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Giao